TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Huỳnh Thị Phượng**

2. **Lê Thị Gắn**

Thư ký phiên tòa: **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bùi Thị G, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Phạm Thanh T, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị G là nguyên đơn trình bày:

Chị Gái và anh T do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, có đăng kí kết hôn. Anh chị chung sống với nhau tại căn nhà của anh T từ năm 2018, khoảng 04 năm sau chị G về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn nhậu, mê chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc gì cho gia đình, sau khi nhậu về anh T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị quá mức chịu đựng nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong quá trình không chung sống, anh T cũng có lui tới để thăm con, anh T đề nghị chị G rút đơn tiếp tục về chung sống, anh T sẽ bớt nhậu

và chửi mắng chị, tuy nhiên anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi nên chị G vẫn yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 11/11/2020 và Phạm Thanh T2, sinh ngày 04/8/2022, hiện nay 02 con đang sống chung với chị G. Ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung, chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

* Bị đơn anh Phạm Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh T cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh T đối với yêu cầu ly hôn của chị G.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:
- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị G, cho chị G được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 11/11/2020 và Phạm Thanh T2, sinh ngày 04/8/2022 cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị G yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Thanh T, sinh năm 1982, ngụ tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị G nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thanh T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Gái và anh T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị G, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn nhậu, mê chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc gì cho gia đình, sau khi nhậu về anh T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị quá mức chịu đựng nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay; Trong quá trình không chung sống, anh T cũng có lui tới để thăm con, anh T đề nghị chị G rút đơn tiếp tục về chung sống, anh T sẽ bớt nhậu và chửi mắng chị, tuy nhiên anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi nên chị G vẫn yêu cầu ly hôn với anh T. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh T biết yêu cầu ly hôn của chị G nhưng anh T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của anh với chị G như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G với anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 11/11/2020 và Phạm Thanh T2, sinh ngày 04/8/2022. Ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật, anh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu về con chung. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của 02 con chung, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung nên cần giao 02 con chung cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2024.

[3.3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy chị G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên anh T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2024.

[3.4] Về mức cấp dưỡng: Chị Gái yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Như vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định "…. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.". Theo quy định Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định huyện Gò Công Đ là nơi anh T đang cư trú thuộc vùng 4 có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng. Do đó, anh T có nghĩa vụ cấp nuôi con chung theo quy định pháp luật tương ứng với ½ mức lương tối thiểu vùng đối với mỗi con chung (Cụ thể ở thời điểm xét xử là ½ 3.450.000 đồng đối mỗi con chung, tương ứng 02 02 con chung, anh Phạm Thanh T cấp dưỡng là 3.450.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

[3.5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị Bùi Thị G có yêu cầu ly hôn nên chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, tuy nhiên chị G thuộc diện hộ nghèo nên chị G được miễn nộp án phí sơ thẩm và anh T phải nộp án phí sơ thẩm phần cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

X***ử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G và anh Phạm Thanh T được ly hôn

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 11/11/2020 và Phạm Thanh T2, sinh ngày 04/8/2022 cho chị Bùi Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Phạm Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, tương ứng với ½ mức lương tối thiểu vùng đối với mỗi con chung (Cụ thể ở thời điểm xét xử là ½ 3.450.000 đồng đối mỗi con chung, tương ứng 02 con chung anh Phạm Thanh T cấp dưỡng là 3.450.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Anh Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Hoàn lại cho chị Bùi Thị G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0013638 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Anh Phạm Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.